

Bản án số: 02/2022/HC-PT

Ngày: 06/01/2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi.

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Lê Phước Thạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 179/2021/TLPT-HC ngày 24 tháng 3 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2020/HC- ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 797/2021/QĐPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Khôi phố T, phường H, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.
3. Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N - Phó Chủ tịch UBND thành phố T1; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Đinh Hữu T2 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T1; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Quốc S - Trưởng Phòng Tư pháp thành phố T1; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc T3 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T1; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đình D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T1; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Anh Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Khôi phố T, phường H, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Trần Anh T3; địa chỉ: Khôi phố T, phường H, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày: Vào năm 2001, vợ chồng bà Lê Thị L làm nhà trên thửa đất số 233, tờ bản đồ số 10, diện tích 460m², loại đất màu trong quyền sử dụng đất của ông Trần Ngọc Dự. Sau đó, vợ chồng bà tiếp tục vỡ hóa khai hoang phía sau 151m² nên có tổng diện tích 611m². Sau khi nhận được quyết định thu hồi đất số 10837/QĐ-UBND ngày 10-10-2017 của UBND thành phố T1 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB và Quyết định số 11110/QĐ-UBND ngày 25-10-2017 của UBND thành phố T1 về việc bồi thường hỗ trợ để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB, ngày 05-01-2018 bà L đã gửi đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND thành phố T1. Ngày 27-3-2018 Chủ tịch UBND thành phố T1 ra Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 27-3-2018 về việc giải quyết khiếu nại, có nội dung là không chấp nhận giải quyết đơn khiếu nại của bà L. Không thống nhất với quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố T1, ngày 20-4-2018 bà L tiếp tục gửi đơn lên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. Ngày 03-10-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ra Quyết định số 2974/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, có nội dung là không chấp nhận giải quyết đơn khiếu nại của bà L. Việc ban hành các Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam, Chủ tịch và UBND thành phố T1 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà L.

Thứ nhất, vợ chồng bà L xây dựng nhà ở trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận cho cha bà L, nhà ở có từ trước ngày 01-7-2004 nên phải được bồi thường trong hạn mức là 200m² đất ở khi thu hồi đất. Theo Quyết định số

11110/QĐ-UBND ngày 25-10-2017 của UBND thành phố T1, áp dụng để trừ 50% tiền sử dụng đất là không đúng (phải áp dụng theo điểm a, khoản 2, Điều 14 của Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của UBND tỉnh Quảng Nam).

Thứ hai, diện tích 260 m² đất liền kề: Căn cứ khoản 7, Điều 3 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 5-9-2019 của UBND tỉnh Quảng Nam thì diện tích 260 m² của gia đình bà L phải được tính là đất vườn ao, chứ không phải đất trồng cây lâu năm.

Thứ ba, diện tích 151,1m² đất trồng cây lâu năm: Gia đình bà L tự khai hoang vỡ hóa trước ngày 1-7-2004.

Thứ tư, đơn giá bồi thường vật kiến trúc quá thấp, không phù hợp với giá cả thị trường, không đủ để xây dựng lại căn nhà như căn nhà cũ tại nơi ở mới.

Thứ năm, Nhà nước thu hồi của bà L diện tích đất ở 200m² nhưng chỉ được bố trí tái định cư 01 lô đất diện tích 150m² là không đảm bảo quyền lợi cho bà. Ngoài ra, vị trí tái định cư thường bị ngập nước, không đảm bảo điều kiện về cơ sở hạ tầng.

Do đó, bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 10837/QĐ-UBND ngày 10-10-2017 của UBND thành phố T1 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB.

- Hủy Quyết định số 11110/QĐ-UBND ngày 25-10-2017 của UBND thành phố T1 về việc bồi thường hỗ trợ để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB.

- Hủy Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 27-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố T1 về việc giải quyết khiếu nại.

- Hủy Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 3-10-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T1 cung cấp hồ sơ, chứng cứ chứng minh đối với diện tích đất 151m² do Ủy ban nhân dân phường H quản lý (liên quan đến ông Trần Đình B đã nhận tiền hồ sơ 100%)

Quá trình giải quyết vụ án, bà L khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 31-10-2019 của UBND thành phố T1 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Trần Anh Q.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Thực hiện chủ trương xây dựng Chi nhánh Công ty giống cây trồng TB, ngày 29/6/2017, UBND phường tổ chức họp để lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với hộ ông Q và đến ngày 14-07-2017, UBND

phường H tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác nhận nguồn gốc đất của phường họp xét, xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

Trên cơ sở lấy ý kiến khu dân cư và họp Hội đồng tư vấn xác nhận nguồn gốc đất, ngày 17-7-2017, UBND phường H có Giấy xác nhận về hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng trên đất đối với hộ ông Q; nội dung xác nhận cụ thể như sau: Thửa đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 25, diện tích 611m², diện tích thu hồi 611m², Ông Q tự xây dựng nhà trên đất màu do cha mẹ cho (cha là ông Trần Ngọc Dữ) trước ngày 01-07-2004 và sau ngày 15-10-1993. Theo hồ sơ xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã Tam Đàn trước đây đã xác nhận hộ ông Q xây dựng nhà ở trên đất màu do cha mẹ cho vào năm 2001.

Trước đây, khi Công ty Vinaconex 25 thực hiện bồi thường để xây dựng khu công nghiệp T4 thì diện tích thửa đất trên trong hồ sơ bồi thường là 460m² (do ông Q đã ký trong Biên bản kiểm kê ngày 24-10-2002). Như vậy, diện tích đất trong bản đồ đo vẽ thửa của dự án Công ty giống TB hiện nay tăng so với hồ sơ 60/CP là 32,6m² và tăng so với hồ sơ kiểm kê của Ban đền bù giải tỏa thị xã T1 trước đây là 151m²; phần diện tích tăng thêm này là do ông Q tự mở rộng ranh giới thửa đất về phía sau (theo hồ sơ 64/CP thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 10, diện tích 7.156m², loại đất Quốc phòng; trên thửa đất này, trước đây do ông Trần Đình B trồng cây lâu năm, vào năm 2003, ông B đã nhận 100% tiền đền bù cây cối, hoa màu trên đất.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường H, Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường; Chi nhánh Trung tâm PTQĐ T1 tham mưu UBND thành phố T1 ban hành Quyết định số 11110/QĐ-UBND ngày 25-10-2017 bồi thường, hỗ trợ cho ông Q với số tiền tổng cộng là 701.385.589 đồng.

Về tái định cư, Theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 10838/QĐ-UBND ngày 10-10-2017 của UBND thành phố T1 thì hộ ông Q được bố trí 1 lô đất tái định cư tại Khu dân cư M, với diện tích 150m². Hộ ông Q được hỗ trợ tiền sử dụng đất chênh lệch giữa đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất bố trí tái định cư.

Các Quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, cưỡng chế và giải quyết khiếu nại của UBND thành phố T1 là đảm bảo quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của bà L là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 1597/UBND-NC ngày 24-3-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Ngày 26-4-2018, UBND

tỉnh nhận được đơn của ông Trần Anh Q khiếu nại đối với Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 27-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố T1. Sau khi xem xét đơn của ông Q đủ điều kiện thụ lý và được UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh xác minh, đối thoại, tham mưu giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Thanh tra tỉnh có Báo cáo số 98/BC-TTT ngày 02-8-2018 về kết quả xác minh đơn của ông Q, Công văn số 280/TTT-NV2 ngày 07-9-2018 về kết quả đối thoại với công dân. Ngày 03-10-2018, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2974/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Anh Q đảm bảo đúng quy định của Luật Khiếu nại 2011.

Với những nội dung đã xác định nêu trên, Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 67/2020/HC- ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2, 3 Điều 116, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 71, 103 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05-9-2017 của UBND tỉnh Quảng Nam; Điều 18, Điều 21, Điều 28, Điều 31, Điều 40, Điều 50 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về yêu cầu hủy các Quyết định số 10837/QĐ-UBND ngày 10-10-2017 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB, tại KCN T4, phường H, thành phố T1; hủy Quyết định số 11110/QĐ-UBND ngày 25-10-2017 của UBND thành phố T1 về việc bồi thường hỗ trợ để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB, tại KCN T4, phường H, thành phố T1; hủy Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 27-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị L; hủy Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 3/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị L; hủy Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố T1 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Trần Anh Q – bà Lê Thị L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2021 bà Lê Thị L là người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo bà L trình bày như sau: Việc sử dụng 611m² đất, trong đó có 200m² đất ở, 260m² đất vườn ao và 151m²

đất trồng cây lâu năm của gia đình bà từ trước ngày 01/7/2004 nhưng Bản án sơ thẩm cho rằng bà lấn chiếm 151 m² là không đúng; về giá đất UBND thành phố T1 áp dụng không đúng văn bản của UBND tỉnh Quảng Nam, xác định vị trí không đúng; bồi thường vật kiến trúc giá quá thấp, không phù hợp thị trường; trình tự thủ tục và điều kiện về bố trí tái định cư chưa đảm bảo; trừ 50% tiền sử dụng đất là không đúng và cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật. Bà L yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm và đề nghị làm rõ việc loại đất quốc phòng do trường bắn quân đội đứng tên đăng ký nhưng vì sao UBND thành phố T1 thu hồi giao cho Công ty giống cây trồng TB, làm rõ Biên bản cuộc họp ngày 29/6/2017 về việc lấy ý kiến khu dân cư và xác định lại vị trí thu hồi đất nhà bà L theo Thông báo số 294/TB-UBND ngày 24/6/2015 của UBND thành phố T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các qui định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo của bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc đất: Thửa đất được thu hồi theo quyết định 10837/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND thành phố T1 (gọi tắt Quyết định 10837) có nguồn gốc là đất màu (đất nông nghiệp), do ông Trần Ngọc Dự bố của ông Q đăng ký kê khai theo Nghị định 64/CP có diện tích 500m². Năm 2001 ông Q, bà L làm nhà và có đăng ký theo hồ sơ 60/CP được xác định tại sổ mục kê được phê duyệt ngày 02/4/2007. Năm 2002 thực hiện việc kiểm kê để bồi thường cho dự án Khu công nghiệp T4 thì đo đạc diện tích thửa đất là 460m², ông Q có ký vào Biên bản kiểm kê ngày 24/10/2002. Nay qua đo đạc, kiểm kê để thực hiện việc bồi thường theo dự án xây dựng Chi nhánh Công ty giống cây trồng TB thì đo đạc thửa đất có diện tích 611m², chênh lệch tăng 151m².

Xét thấy, trên cơ sở nguồn gốc đất và quá trình sử dụng nêu trên, UBND thành phố T1 đã xác định về diện tích 460m² là có căn cứ, đối với diện tích 151m² là do ông Q, bà L đã xâm canh thửa đất số 231 tờ bản đồ số 10, diện tích 7.156m², theo Hồ sơ 64/CP thửa đất này là loại đất quốc phòng do UBND xã Tam Đàn quản lý, dù ông Q, bà L sử dụng trước hay sau ngày 01/7/2004 đều là

đất do Nhà nước quản lý, ông Q, bà L sử dụng diện tích đất nói trên là không hợp pháp.

[2]. Xem xét các Quyết định hành chính bị khởi kiện:

- Quyết định 11110/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND thành phố T1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Q bà L: Bà L kháng cáo cho rằng UBND thành phố T1 áp dụng thực hiện không đúng Thông báo số 294/TB-UBND ngày 24/6/2015; đền bù không đúng giá theo Quyết định 43/2014 ngày 22/12/2014, Quyết định 48/2014 ngày 25/12/2014 đồng thời bồi thường giá quá thấp, không tương xứng với giá thị trường và trừ lại 50% giá trị quyền sử dụng đất là không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với diện tích 260m² và diện tích 151m² bà L cho rằng là đất vườn ao gắn liền, phải bồi thường tương ứng 50% giá trị đất ở. Xem xét điều kiện về việc xem xét bồi thường được quy định tại Điều 103 Luật đất đai 2013 thì thời điểm sử dụng đất của ông Q, bà L sau khi Luật đất đai 1993 đã có hiệu lực pháp luật, không đủ điều kiện để xác định đất vườn ao gắn liền với đất ở, thửa đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp, đăng ký theo Nghị định 64/CP. Mặt khác quá trình sử dụng ông Q bà L tự xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có hồ sơ chuyển đổi mục đích mục đích sử dụng đất. Do vậy, UBND thành phố T1 thực hiện việc bồi thường 260m² đất trồng cây hằng năm là đúng. Riêng đối với diện tích 151m² như đã phân tích nêu trên là đất xâm canh nên không được bồi thường là có căn cứ pháp luật.

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 đối với đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai sử dụng sau khi Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực thì công nhận quyền sử dụng đất phải truy thu 50% tiền sử dụng đất. Tại Điều 16 Quyết định 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam cũng đã cụ thể hóa quy định nêu trên. Vợ chồng ông Q bà L sử dụng đất màu làm nhà ở vào thời điểm năm 2001 việc khấu trừ 50% tiền sử dụng đất khi công nhận đất ở là đúng với quy định của pháp luật.

Việc áp giá: Bà L cho rằng việc áp giá bồi thường không đúng vị trí và giá bồi thường vật kiến trúc 400.000 đồng/m² là quá thấp không xây dựng lại được nhà ở. Xét thấy: Về vị trí và áp giá bồi thường, căn cứ các Quyết định 43/2014/QĐ-UBND và Quyết định 44/2014/QĐ-UBND cùng ngày 22/12/2014, Quyết định 02/2016 QĐ-UBND ngày 15/01/2016 và Quyết định 19/2017 QĐ-UBND ngày 05/9/2017 là những Quyết định đang có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thực hiện dự án, dùng làm căn cứ để xác định đối với vị trí thửa đất, áp giá

bồi thường là có cơ sở, đúng pháp luật, mặt khác các quy định của các Quyết định nêu trên đã áp dụng chung cho các đối tượng khác trong cùng dự án.

Việc bố trí tái định cư, theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 10838/QĐ-UBND ngày 10-10-2017 của UBND thành phố T1 thì hộ ông Q được bố trí 01 lô đất tái định cư tại Khu dân cư M, với diện tích 150m² và được hỗ trợ tiền sử dụng đất chênh lệch giữa đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất bố trí tái định cư. Như vậy, quyền lợi hợp pháp của ông Q, bà L đã được thực hiện đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam: Sau khi xem xét đơn khiếu nại của ông Trần Anh Q, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 2974/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Q là đúng theo trình tự, thủ tục và nội dung pháp luật quy định.

Việc bà L đề nghị làm rõ đất quốc phòng do trường bắn quân đội đứng tên đăng ký nhưng vì sao UBND thành phố T1 thu hồi giao cho Công ty giống cây trồng TB, xét đây là việc quản lý nhà nước về đất đai của UBND thành phố T1, nội dung này không liên quan vụ án, không thuộc trách nhiệm xem xét của Hội đồng xét xử.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo, bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác toàn bộ kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2020/HC- ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng: Điều 71, 103 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05-9-2017 của UBND tỉnh Quảng Nam; Điều 18, Điều 21, Điều 28, Điều 31, Điều 40, Điều 50 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về yêu cầu hủy các Quyết định số 10837/QĐ-UBND ngày 10-10-2017 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB tại KCN T4, phường H, thành phố T1; hủy Quyết định số 11110/QĐ-UBND ngày 25-10-2017 của UBND thành phố T1 về việc bồi thường hỗ trợ để thực hiện dự án Công ty giống cây trồng TB, tại KCN T4, phường H, thành phố T1; hủy Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 27-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị L; hủy Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 3/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị L; hủy Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố T1 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Trần Anh Q - Bà Lê Thị L.

Về án phí sơ thẩm, giữ nguyên theo phần Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, bà L đã nộp (ông Trần Anh T3 nộp thay) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002600 ngày 07/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi